TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ U
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HS - ST
Ngày: 05/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ U, TỈNH QUẢNG NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc.
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Thái Quang Định.
2. Bà Phạm Thị Thúy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/01/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/TLST – HS ngày 14/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST – HS ngày 21/12/2023 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Xuân N** (tên gọi khác: Nguyễn Tuấn N), sinh ngày 07/02/1982, tại tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: số 233 N, tổ dân phố L, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân N 1 và bà Bùi Thị H; vợ, con: chưa có.

- Tiền án: ngày 03/8/2001, Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2003. Ngày 24/5/2004, Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2010. Ngày 08/8/2012, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2021.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 18/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thu N, sinh năm 1989.

Đại chỉ: số 233 N, tổ dân phố L, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:`

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: sáng ngày 05/8/2023, Nguyễn Xuân N điều khiển xe mô tô Honda Wave α biển kiểm soát 15B4 - 073.66 đi từ nhà tại Hải Phòng Lg thang đến thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi đến cửa hàng điện thoại "G" của chị Nguyễn Thị L tại tổ 28A, khu 8, phường Q, thành phố U, N dừng xe, đi vào trong cửa hàng thì không thấy có người trông coi, trên mặt bàn đặt gần lối đi vào gian trong có để 01 chiếc túi xách màu đen nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong chiếc túi trên. N tiến đến vị trí chiếc túi, lục trong túi lấy được 01 cọc tiền rồi đút vào trong túi quần, chạy ra khỏi cửa hàng, điều khiển xe mô tô đi về thành phố Hải Phòng. Trên đường về, Nam dừng xe kiểm tra và đếm số tiền vừa trộm cắp được là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau. Về đến nhà, N thay bộ quần áo vừa mặc rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi Lg thang quanh khu vực thành phố Hải Phòng, thành phố U và tiêu hết số tiền đã trộm cắp được.

Sau khi phát hiện bị mất tiền, chị Nguyễn Thị L trình báo Công an. Đến ngày 18/8/2023, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B4 - 073.66, giấy đăng ký xe. Cùng ngày Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của N, thu giữ 01 mũ bảo hiểm màu đen có viền đỏ, 01 bộ quần áo công nhân dài tay màu xám, phía sau áo có dòng chữ Tổng công ty công nghiệp tàu thủy B đã sử dụng khi đi trộm cắp.

Tại biên bản làm việc xem xét dữ liệu ghi hình là 02 đoạn video thu giữ tại 02 Camera của cửa hàng điện thoại "G" thể hiện: Tại thời điểm 09 giờ 16 phút 45 giây ngày 05/8/2023, có một người nam giới đội mũ bảo hiểm dạng mũ lưỡi trai màu đen có viền đỏ, quần áo công nhân màu xám, đi dép màu đen, điều khiển xe mô tô loại xe số màu đen đến đỗ trước cửa quán. Tiếp đó người này đi vào phía bên trong quán và đi thẳng về phía bàn gỗ lấy một sấp tiền trong túi xách màu đen để trên bàn rồi quay lưng chạy ra ngoài lấy xe di chuyển. N đã xem 02 đoạn video và xác nhận đó là hình ảnh của mình.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên. Ngoài ra N khai đi đến thành phố U để tìm việc làm, khi đi đến cửa hàng điện thoại "G" mục đích đi vào cửa hàng để cầm cố điện thoại di động nhưng không thấy có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp.

Tại Bản cáo trạng số: 145/CT – VKS QN – P2 ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, truy tố bị cáo Nguyễn Xuân N về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U căn cứ vào nhân thân người phạm tội với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân N từ 36 - 42 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Xuân N phải trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 bộ quần áo công nhân màu xám; trả lại chị Lê Thu N 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α BKS 15B4 - 073.66 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lê Thu N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xét xử vắng mặt, nội dung đơn đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho chị chiếc xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, chị đã cho Nam mượn, ngoài ra chị không có đề nghị gì khác, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa như thông báo về việc người phạm tội đầu thú; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; bản Video tại cửa hàng của chị L; bản ảnh; sơ đồ hiện trường, đơn trình báo của bị hại chị Nguyễn Thị L và các tài liệu chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 09 giờ 15 phút ngày 05/8/2023, tại cửa hàng điện thoại "G" của chị Nguyễn Thị L ở tổ 28A, khu 8, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Xuân N đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) của chị L rồi tiêu xài hết. Đến ngày 18/8/2023 Nam đến Công an thành phố Uông Bí đầu thú. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó Bản cáo trạng số: 145/CT – VKSQN – P2, ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và lời buộc tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó đối với bị cáo cần xử lý nghiêm.

- *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Về tình tiết tăng nặng:* bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng dù có xem xét giảm nhẹ đến đâu cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo Nguyễn Xuân N còn có thể bị phạt một khoản tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập và tài sản riêng, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa hôm nay bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bị hại là thỏa đáng đúng với thực tế số tiền bị hại bị mất, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự thỏa thuận đó và buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền nêu trên.

[5] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Lê Thu N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Anpha có biển kiểm soát 15B4 - 073.66 màu đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Hội đồng xét xử thấy tài sản trên là hợp pháp của chị Nga cho Nam mượn, không biết N sử dụng để đi trộm cắp nên đề nghị của chị N là chính đáng, cần trả lại cho chị Nga.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng vụ án: trong quá trình điều tra cơ quan điều trả đa thu giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Anpha có biển kiểm soát 15B4 - 073.66 là tài sản hợp pháp của chị N không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho chị N. Còn đối với 01 (một) chiếc áo công nhân dài tay bằng vải màu

xám; 01 (một) chiếc quần dài công nhân bằng vải màu xám; 01 (một) chiếc nón bảo hiểm bằng nhựa màu đen, tại phiên tòa bị cáo trình bày không nhận lại những tài sản này, Hội đồng xét xử xét thấy những tài sản trên không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với chị Lê Thu N cho Nam mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B4 - 073.66 và giấy tờ xe nhưng không biết Nam sử dụng để đi trộm cắp nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ có quyền kháng cáo Bản án, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Xuân N (tên gọi khác: Nguyễn Tuấn N) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 18/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Xuân N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, địa chỉ tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, với số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Xuân N không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ điểm điểm c khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc áo công nhân dài tay bằng vải màu xám; 01 (một) chiếc quần dài công nhân bằng vai màu xám; 01 (một) chiếc nón bảo hiểm bằng nhựa màu đen, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2023, giữa Công an tỉnh Quảng Ninh với Chi cục thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

4. Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho chị Lê Thu N, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 233 N, tổ dân phố L, phường V, quận Ki, thành phố Hải Phòng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Anpha màu đen có biển kiểm soát 15B4 - 073.66, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2023, giữa Công an tỉnh Quảng Ninh với Chi cục thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại báo cho họ biết được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh.
- Viện KS ND tỉnh Quảng Ninh.
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Viện KSND TP Uông Bí.
- Cơ quan CSĐT CA TP Uông Bí
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Bị cáo trong vụ án.
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ.
- Cơ quan THAHS CA TP Uông Bí.
- Nhà tạm giữ CA TP Uông Bí.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc